

Bản án số:51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 8 - 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Văn Xô

Bà Đinh Thị Tin

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:43/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1992

- *Bị đơn:* Anh Phạm Tiến H, sinh năm 1987.

Đều có địa chỉ: KDC H, phường A, thị xã K, tỉnh H.

- *Người làm chứng:* 1. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1973; Địa chỉ: KDC H, phường A, thị xã K, tỉnh H.

2. Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1983; Địa chỉ: H, A, K, H (được bà Đoàn Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: KDC H, phường A, thị xã K, tỉnh H ủy quyền).

Chị T, anh H, bà M, chị P đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Tiến H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện K (nay là UBND phường A, thị xã K) tỉnh Hải Dương vào ngày 08 tháng 9 năm 2011. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống H1 thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, anh H

không có chính kiến, sống lệ thuộc vào ý kiến của bố mẹ, bà cô bá dì, không quyết định được những vấn đề trong cuộc sống, mọi việc đều phải do chị gánh vác, nên chị T luôn cảm thấy bị áp lực, mệt mỏi. Năm 2018 chị đã đề nghị giải quyết việc ly hôn, nhưng được mẹ chị động viên khuyên bảo cũng như vì con cái nên chị đành phải nhẫn nhịn. Tuy nhiên, anh H không hiểu, mặc nhiên coi chị là người quyết định, chịu trách nhiệm cho mọi công việc, vợ chồng không thể chia sẻ, có trách nhiệm cùng nhau nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Năm 2023, anh H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, tháng 4/2024 anh H về nước, chị tiếp tục trao đổi với anh H về việc ly hôn. Tháng 5/2024, chị T bị tai nạn giao thông phải điều trị tại Bệnh viện 108 Hà Nội nhưng anh H không quan tâm, không có trách nhiệm với chị, bản thân chị cũng không cần sự quan tâm, trách nhiệm của anh H. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H thực sự không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, đôi bên không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Anh Phạm Tiến H trình bày: Anh kết hôn với chị Phạm Thị T trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND phường A vào ngày 08 tháng 9 năm 2011. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống bình thường cho đến tháng 02/2023, anh có đi xuất khẩu lao động tại Nhật. Tuy nhiên do điều kiện thời tiết và công việc bên đó không ổn định nên tháng 4/2024 anh đã về nước. Thời gian đầu anh về nước, anh cảm nhận tình cảm vợ chồng vẫn vui vẻ bình thường, tuy nhiên sau đó anh có đau đầu, ốm, cơ thể mệt mỏi nên anh về nhà nội ở. Giữa tháng 4/2024, chị T nói với anh về việc ly hôn. Anh có trao đổi việc này với gia đình, dẫn đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T, giữa chị T và bố mẹ anh có những va chạm, mâu thuẫn với nhau. Vợ chồng xa lánh, chị T không muốn nói chuyện với anh. Ngày 29/5/2024, chị T bị tai nạn giao thông anh có đưa chị T đi Trung tâm y tế thị xã Kinh Môn, sau đó đưa lên bệnh viện 108 trên Hà Nội. Ngày hôm sau, do có di chị T lên chăm thì anh về, quá trình chị T điều trị tại Hà Nội cũng như khi chị được ra viện về nhà anh đã không chăm sóc được chị T nhưng anh có lên thăm chị. Nay chị T đề nghị xin ly hôn thì anh không đồng ý, anh vẫn mong muốn chị T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Còn nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì chị T phải xác định đưa ra một mức giá hợp lý, xứng đáng với anh trong những năm tháng anh ở cùng chị T, thì anh mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung là cháu Phạm Tiến H1, sinh ngày 12/12/2012 và cháu Phạm Tiến K, sinh ngày 03/5/2018. Chị T đề nghị được nuôi cháu Kh, còn cháu H1 được giao cho anh H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu. Anh H nhất trí và hai bên đều không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của cháu H1 xin được ở với anh H.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Chị T đề nghị được tự thỏa thuận với anh H, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp chị và anh H không thể thỏa thuận được thì chị T đề nghị Tòa án giải quyết sau theo quy định pháp luật.

Anh H xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có: Nguồn thu nhập từ lương: Anh đi làm ở công Ty Hòa Phát từ tháng 9/2011 với mức lương 4.000.000đồng/tháng, mỗi năm anh được tăng lương từ 600.000 đồng đến 700.000 đồng/năm, cho đến tháng 7/2022, mức lương của anh được tăng lên 9.500.000 đồng/tháng. Toàn bộ số tiền lương này anh đều đưa cho chị T. Năm 2017, vợ chồng xây căn nhà cấp 4 để làm quán bán hàng trên diện tích đất của mẹ vợ, giá trị xây dựng căn nhà khoảng 200.000.000đ. Sốp cửa hàng quần áo cùng vật dụng gia đình (điều hòa, máy giặt...), giá trị tổng khoảng 400.000.000đ; 160.000.000đ tiền lao động của anh từ Nhật; 01 con lợn đất (tiền mừng tuổi của con). Số tiền kinh doanh buôn bán hàng tháng của chị T (anh không biết cụ thể). Về nợ: Vay của bố mẹ đẻ anh năm 2017 số tiền 20 triệu đồng để làm vốn làm ăn đến tháng 02/2023 anh đi xuất khẩu lao động tại Nhật, anh phải vay tiếp của bố mẹ đẻ số tiền 13 triệu đồng và vay bà nội là 15 triệu đồng để đi Nhật. Chi phí cho anh đi Nhật hết 128.000.000 đồng trong đó có số vay của mẹ và bà nội như trên, số tiền còn lại là do tiền tích lũy của hai vợ chồng. 08 chỉ vàng là số tài sản riêng của anh. Ngoài ra không còn tài sản và số nợ chung nào khác. Toàn bộ số tài sản trên do chị T quản lý (riêng con lợn đất thì anh đang quản lý). Nay anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh đề nghị được thỏa thuận cùng chị T, để chị T tự đưa ra một mức giá hợp lý, xứng đáng. Còn trường hợp, anh H và chị T không thể thỏa thuận được thì anh H đề nghị Tòa án giải quyết sau theo quy định pháp luật.

Bà Phạm Thị M (cô của anh H) trình bày: Theo lời trình bày của anh H là đúng, nhưng cho đến nay gia đình bà cũng không níu kéo, giảng buộc gì với chị T, nên nay bà đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh H và chị T quyết theo quy định pháp luật.H

Chị Hoàng Thị P (được bà Đoàn Thị Hạnh, mẹ chị T ủy quyền): nhất trí quan điểm đề nghị của chị T.

Xác M tại địa phương phường An Phú cung cấp: Chị T và anh H đăng ký kết hôn tại UBND phường An Phú. Quá trình chung sống anh chị nảy sinh mâu thuẫn, hiện anh chị tự sống ly thân. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi dưỡng con chung, thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, anh H xác định không còn biện pháp nào để hàn gắn đoàn tụ cùng chị T, nhưng anh vẫn không nhất trí ly hôn, anh tiếp tục yêu cầu chị T phải thỏa mãn được quan điểm của anh về việc nuôi con và chia tài sản chung của vợ chồng thì anh sẽ nhất trí ly

hôn cùng chị T. Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn và Bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Phạm Tiến H.

- *Về con chung*: Giao cháu Phạm Tiến H1 - sinh ngày 12/12/2012 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Tiến Kh - sinh ngày 03/5/2018 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng, thời gian giao nuôi con chung kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H1, cháu Kh trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, riêng, công nợ*: Không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Phạm Thị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Phạm Tiến H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại KDC Huê Trì 2, phường An Phụ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Do vậy, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị T và anh H là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T kết hôn với anh Phạm Tiến H trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị T đề nghị xin ly hôn anh H, chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không có sự chia sẻ, gác vác trách nhiệm cùng nhau. Dẫn đến cuộc sống chung không có Hphúc. Xét quá trình H1 giải và tại phiên tòa, chị T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, anh H không đồng ý, nhưng nếu chị T thỏa mãn được nguyện vọng của anh về việc nuôi con và chia tài sản chung của vợ chồng thì anh H nhất trí ly hôn cùng chị T. Bản thân gia đình anh H và chị T cũng đều không còn mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Những điều đó chứng tỏ tình cảm giữa chị T và anh H thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên đã thực sự trầm trọng, mục

đích của hôn nhân không thành, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Tiến H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Tiến H có hai con chung là cháu Phạm Tiến H1, sinh ngày 12/12/2012 và cháu Phạm Tiến Kh, sinh ngày 03/5/2018. Hiện cháu H1 đang ở cùng anh H, còn cháu Kh đang ở cùng chị T. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Nên cần chấp nhận, giao cháu H1 cho anh H và giao cháu Kh cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định, tính tự nguyện của các bên là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh H đều không yêu cầu, nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung, riêng: Chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

Sau này nếu các bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, số nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Tiến H.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Phạm Tiến H1, sinh ngày 12/12/2012 cho anh Phạm Tiến H và giao cháu Phạm Tiến Kh, sinh ngày 03/5/2018 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị T và anh Phạm Tiến H không yêu cầu việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

Sau này nếu các bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, số nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0002597 ngày 17/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Tiến H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường An Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

